

UBND PHƯỜNG THÀNH VINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG TIỂU HỌC HUNG CHÍNH Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: 182 /QĐ-THHC

Thành Vinh, ngày 16 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
V/v Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa trong Trường học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC HUNG CHÍNH

Căn cứ Quy định về đạo đức Nhà giáo, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT về quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDTX.

Căn cứ Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức (CB, GV, NV) làm việc trong ngành GD&ĐT.

Căn cứ Điều lệ trường Tiểu học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này: Quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường của trường Tiểu học Hưng Chính;

Điều 2. Toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Nơi nhận:

- BGH, ĐTN, TTCM, VP;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nguyệt

QUY TẮC

ỨNG XỬ VĂN HÓA TRONG TRƯỜNG HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 182/QĐ-THHC, ngày 16 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Tiểu học Hưng Chính)

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ đề ra quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học

- Quy định về đạo đức Nhà giáo, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT về quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và GDTX.
- Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức (CB, GV, NV) làm việc trong ngành GD&ĐT.
- Điều lệ trường Tiểu học.
- Truyền thống đạo đức Nhà giáo của dân tộc, của quê hương.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Văn bản này quy định quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh của trường Tiểu học Hưng Chính, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An và khách đến liên hệ công tác trong thi hành nhiệm vụ, công vụ, trong quan hệ với đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh và trong xã hội; quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh được áp dụng trong thời gian học tập tại trường và ngoài xã hội.
- Đối tượng áp dụng là tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh của trường Tiểu học Hưng Chính, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An và khách đến liên hệ công tác.

Điều 3. Mục đích xây dựng quy tắc ứng xử đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh

- Quy định các chuẩn mực về đạo đức và ứng xử của cán bộ, nhà giáo khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ với đồng nghiệp, với học sinh, với phụ huynh và trong quan hệ xã hội. Đồng thời qui định các chuẩn mực về ứng xử văn hóa của học sinh đối với thầy, cô giáo, nhân viên trong trường và khách đến trường, trong gia đình, ngoài xã hội.
- Là căn cứ để nhà trường xử lý trách nhiệm khi cán bộ, viên chức vi phạm các chuẩn mực đạo đức và xử sự trong thực hiện nhiệm vụ và trong các mối quan hệ công tác, đồng thời là căn cứ để đánh giá, xếp loại và giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật của cán bộ, viên chức.
- Thực hiện công khai các hoạt động nhiệm vụ, công vụ và các mối quan hệ công tác của cán bộ, viên chức trong công tác phòng, chống tham nhũng.

4. Là căn cứ để đánh giá, khen thưởng và xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong năm học.

Chương II: NỘI DUNG QUY TẮC ỨNG XỬ

Điều 8. Quy tắc ứng xử chung

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, của công chức, viên chức, nhà giáo, người lao động và học sinh.

2. Thực hiện lối sống lành mạnh, mẫu mực, quan tâm chia sẻ và giúp đỡ người khác.

3. Bảo vệ, giữ gìn cảnh quan nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục mô phạm, an toàn, thân thiện, xanh, sạch, đẹp.

4. Cán bộ quản lý, giáo viên phải sử dụng trang phục lịch sự, phù hợp với môi trường và hoạt động giáo dục; nhân viên phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục và tính chất công việc; học sinh phải sử dụng trang phục sạch sẽ, gọn gàng phù hợp với lứa tuổi và hoạt động giáo dục; cha mẹ học sinh và khách đến trường phải sử dụng trang phục phù hợp với môi trường giáo dục.

5. Không sử dụng trang phục gây phản cảm.

6. Không hút thuốc, sử dụng đồ uống có cồn, chất cấm trong nhà trường theo quy định của pháp luật; không tham gia tệ nạn xã hội.

7. Không sử dụng mạng xã hội để phát tán, tuyên truyền, bình luận những thông tin hoặc hình ảnh trái thuần phong mỹ tục, trái đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc làm ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

8. Không gian lận, dối trá, vu khống, gây hiềm khích, quấy rối, ép buộc, đe dọa, bạo lực với người khác.

9. Không làm tổn hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, người khác và uy tín của tập thể. Đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần cho học sinh, đảm bảo quyền trẻ em.

10. Một số hành vi CBQL, GV, NV không được làm: Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể học sinh và đồng nghiệp; xuyên tạc nội dung giáo dục; bỏ giờ; tùy tiện cắt xén chương trình giáo dục; đối xử không công bằng đối với học sinh; ép buộc học sinh học thêm trái quy định; bớt xén khẩu phần ăn của học sinh bán trú; làm việc riêng khi đang tổ chức các hoạt động giáo dục.

Điều 9. Ứng xử của cán bộ quản lý

1. Ứng xử với học sinh: Ngôn ngữ chuẩn mực, dễ hiểu; yêu thương, trách nhiệm, bao dung; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, lắng nghe và động viên, khích lệ học sinh. Không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.

2. Ứng xử với giáo viên, nhân viên: Ngôn ngữ, thái độ chuẩn mực, tôn trọng, khích lệ, động viên, gần gũi, vui vẻ; nghiêm túc, gương mẫu, đồng hành trong công việc, lắng nghe; bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm và phát huy năng lực của giáo viên

và nhân viên; đoàn kết, dân chủ, công bằng, minh bạch; kiên nhẫn, tránh tạo không khí căng thẳng. Không hách dịch, gây khó khăn, xúc phạm, định kiến, thiên vị, vụ lợi, né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm, đổ lỗi.

3. Ứng xử với cha mẹ học sinh: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, hỗ trợ, hợp tác, chia sẻ, thân thiện; thái độ nhiệt tình, vui vẻ. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà, vụ lợi.

4. Ứng xử với khách đến cơ sở giáo dục: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, lịch sự, đúng mực. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 10. Ứng xử của giáo viên

1. Ứng xử với học sinh: Ngôn ngữ chuẩn mực, dễ hiểu; khen hoặc nhắc nhở phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh; mẫu mực, bao dung, trách nhiệm, yêu thương; tôn trọng sự khác biệt, đối xử công bằng, tư vấn, lắng nghe và động viên, khích lệ học sinh; tỏ thái độ đồng tình/không đồng tình với các tình huống ứng xử, giúp học sinh nhận thức rõ việc làm đúng/sai, biết nói lời cảm ơn/xin lỗi....; tích cực phòng, chống bạo lực học đường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện. Không xúc phạm, gây tổn thương, vụ lợi; không trù dập, định kiến, bạo hành, xâm hại; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi vi phạm của học sinh; không phê bình, bình luận khiếm nhã hoặc có xu hướng phân biệt đối xử; không ép buộc học sinh học thêm trái quy định.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý: Ngôn ngữ tôn trọng, trung thực, cầu thị, tham mưu tích cực và thể hiện rõ chính kiến; phục tùng sự chỉ đạo, điều hành và phân công của lãnh đạo theo quy định. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của cán bộ quản lý.

3. Ứng xử với đồng nghiệp và nhân viên: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, thân thiện, cầu thị, chia sẻ, hỗ trợ; tôn trọng sự khác biệt; bảo vệ uy tín, danh dự và nhân phẩm của đồng nghiệp, nhân viên. Không xúc phạm, vô cảm, gây chia rẽ, mất đoàn kết.

4. Ứng xử với cha mẹ học sinh: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, lắng nghe, thân thiện, hợp tác, chia sẻ. Không xúc phạm, áp đặt, vụ lợi.

5. Ứng xử với khách đến cơ sở giáo dục: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Thái độ niềm nở, hòa nhã. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

6. Không sử dụng thời gian dạy trên lớp cho mục đích cá nhân.

Điều 11. Ứng xử của nhân viên

1. Ứng xử với học sinh: Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, trách nhiệm, khoan dung, giúp đỡ. Gần gũi, yêu thương, quan tâm, chăm sóc học sinh tận tình, chu đáo. Không gây khó khăn, phiền hà, xúc phạm, tổn thương, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên: Ngôn ngữ đúng mực, trung thực, tôn trọng, hợp tác; chấp hành các nhiệm vụ được giao. Không né tránh trách nhiệm, xúc phạm, gây mất đoàn kết, vụ lợi.

3. Ứng xử với đồng nghiệp: Ngôn ngữ đúng mực, hợp tác, thân thiện. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết, né tránh trách nhiệm.

4. Ứng xử với cha mẹ học sinh và khách đến cơ sở giáo dục: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng. Không xúc phạm, gây khó khăn, phiền hà.

Điều 12. Ứng xử của học sinh trong trường

1. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Kính trọng, ngoan ngoãn, lễ phép, vâng lời thầy cô giáo, trung thực, chia sẻ, chấp hành các yêu cầu theo quy định, mạnh dạn bày tỏ ý kiến, nói lên nhu cầu, mong muốn của bản thân. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm, bạo lực.

2. Ứng xử với học sinh khác: Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện, hoà nhã với bạn bè; trung thực, hợp tác, đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ, hỗ trợ bạn trong lúc hoạn nạn khó khăn và tôn trọng sự khác biệt. Không nói tục, chửi bậy, miệt thị, xúc phạm, gây mất đoàn kết; không bịa đặt, lôi kéo; không phát tán thông tin để nói xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm học sinh khác.

3. Ứng xử với cha mẹ và người thân: Kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương, vâng lời, mạnh dạn nói lên nhu cầu, mong muốn của bản thân.

4. Ứng xử với khách đến cơ sở giáo dục: Kính trọng, lễ phép, ngoan ngoãn, thân thiện.

5. Trang phục gọn gàng, phù hợp lứa tuổi, thuận tiện cho các hoạt động tại trường tiểu học.

6. Tự giác thực hiện nghiêm túc các quy định của trường tiểu học, Luật An toàn giao thông khi tham gia giao thông.

Điều 13. Ứng xử của cha mẹ học sinh

1. Ứng xử với học sinh: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, chia sẻ, khích lệ, thân thiện, yêu thương. Không xúc phạm, bạo lực, không làm tổn thương con em. Tôn trọng đặc điểm cá nhân của con em, không so sánh con mình với học sinh khác.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ. Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm. Tránh có các hành động, hành vi mất lịch sự, thô lỗ, không vắng tục chửi bậy khi ứng xử.

3. Ứng xử với phụ huynh khác: Tôn trọng, hợp tác, chia sẻ trên tinh thần cùng quan tâm, chăm lo đến sự phát triển giáo dục tiểu học.

4. Nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy định của nhà trường, đặc biệt là quy định về an toàn giao thông trước cổng trường.

Điều 14. Ứng xử của khách đến trường

1. Ứng xử với học sinh: Ngôn ngữ đúng mực, tôn trọng, thân thiện. Không xúc phạm, bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Đúng mực, tôn trọng. Không bịa đặt thông tin. Không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm. Không to tiếng, đôi co. Không sử dụng từ ngữ thô tục.

3. Chỉ vào trường khi được sự cho phép của cán bộ quản lý nhà trường. Nghiêm chỉnh chấp hành các nội quy, quy định của nhà trường. Không đi lại tự do, gây ồn ào mất trật tự; không tự ý chụp ảnh, quay phim khi chưa được sự cho phép của cán bộ quản lý nhà trường.

Chương III: TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động trong nhà trường

1. Thực hiện đúng các quy định trong Quy tắc.

2. Vận động các đồng nghiệp, phụ huynh, học sinh và khách đến liên hệ công tác thực hiện đúng các quy định tại Quy tắc; khi phát hiện cá nhân, tập thể nào vi phạm Quy tắc phải kịp thời góp ý để họ sửa đổi, đồng thời phản ánh với Ban giám hiệu Nhà trường.

Điều 16. Trách nhiệm của học sinh

Thực hiện tốt các quy định tại Quy tắc. Nếu phát hiện cá nhân, tập thể vi phạm Quy tắc phải kịp thời góp ý, đồng thời phản ánh với giáo viên chủ nhiệm, Ban giám hiệu nhà trường để xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 17. Trách nhiệm của Ban giám hiệu nhà trường

1. Phổ biến, quán triệt; hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy tắc; công khai Quy tắc trên Website và các phương tiện thông tin khác của Nhà trường.

2. Kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy tắc của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh, học sinh và khác đến liên hệ công tác. Phê bình, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm. Theo dõi việc thực hiện Quy tắc làm căn cứ để đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Quy tắc này được thông qua và áp dụng thực hiện từ khi Quyết định ban hành có hiệu lực.

Các điều khoản được rà soát bổ sung, thay đổi, điều chỉnh hàng năm thông qua Hội nghị viên chức và người lao động đầu năm học./.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TIỂU HỌC
HÙNG CHÍNH
Nguyễn Thị Nguyệt

